

Số: 168^A/QĐ-CVI

Hải Phòng, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
09 tháng đầu năm 2024**

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA KHU VỰC I

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ/TCCB-LĐ ngày 02/05/1996 và Quyết định số 3264/QĐ/TCCB-LĐ ngày 10/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập "Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I";

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-BGTVT ngày 21/12/2023 của Bộ GTVT về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn phí, lệ phí; Quyết định số 1687/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2023 của Bộ GTVT về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn phí cảng vụ và chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 674/QĐ-BGTVT ngày 28/5/2024 của Bộ GTVT về việc điều chỉnh chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-BGTVT ngày 26/6/2024 của Bộ GTVT về việc điều chỉnh chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa năm 2024 (lần 2);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm 2024 của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Trưởng phòng, Trưởng đại diện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục ĐTNĐ Việt Nam; (để b/c)
- Lưu: VT, P.TC.



Văn Trọng Dũng

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 168A/QĐ-CVI ngày 15/10/2024 của Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi nộp NSNN				
I	Số thu phí, lệ phí	23.878.000	17.654.000		
1	Lệ phí	1.854.000	1.100.000		
	Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa	1.854.000	1.100.000	59	
2	Phí	22.024.000	16.554.000		
	Phí cảng vụ đường thủy nội địa	21.236.000	16.020.000	75	
	Phí bảo đảm hàng hải	788.000	534.000	68	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp kinh tế đường thủy nội địa	19.112.400	14.418.000		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.112.400	14.418.000		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				

CÔNG V
NG V
THỦY N
U V
HỦY N

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	2	3	4	5	6
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	4.765.600	3.236.000		
1	Lệ phí	1.854.000	1.100.000		
	Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa	1.854.000	1.100.000	59	
2	Phí	2.911.600	2.136.000		
	Phí trọng tải	2.123.600	1.602.000	75	
	Phí bảo đảm hàng hải	788.000	534.000	68	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa	2.236.848	2.230.152		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.228.000	2.228.000	100,00	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.848,458	2.151,724	24,32	
	Thuê nhà	486	243,0		
	Sửa chữa văn phòng đại diện Minh Đức	3.306,618	899,639		
	Sửa chữa văn phòng đại diện Bắc Luân	3.599	1.009,085		
	Sửa chữa xưởng HP 2724 - ĐD Kinh Môn, HP 3261 - ĐD Hải Phòng	499			
	Sửa chữa xe ô tô 15A-00540	195			
	Mua 02 ca nô 40CV	762,84			

